

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 12

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 24

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÀ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 34

Bảng cân đối kế toán 34

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 35

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 36

Thuật ngữ báo cáo tài chính 37

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3-4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-22

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

- Ông Nguyễn Ngọc Nhân
- Ông Nguyễn Xuân Giang
- Ông Nguyễn Xuân Hoàng
- Ông Trần Duy An
- Ông Lê Quốc Việt
- Bà Mạnh Thị Tố Nga

### Ban Giám đốc

- Ông Trần Duy An
- Ông Nguyễn Xuân Hoàng
- Ông Nguyễn Văn Hùng
- Ông Nguyễn Văn Hữu

### Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Lê Hải Quân
- Ông Nguyễn Trung Hải
- Ông Lê Quốc Việt
- Ông Nguyễn Thái Hòa

### Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên (chức nhiệm từ ngày 12/12/2014)
- Thành viên
- Thành viên (chức nhiệm từ ngày 13/02/2014)
- Thành viên

- Giám đốc (chức nhiệm từ ngày 12/12/2014)
- Giám đốc (chức nhiệm từ ngày 12/12/2014)
- Phó Giám đốc
- Chỉ huy trưởng

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên (chức nhiệm từ ngày 12/12/2014)
- Thành viên (chức nhiệm từ ngày 12/12/2014)

### Đánh giá kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã trình bày chi tiết vào báo cáo tài chính này được thể hiện bằng các báo cáo tài chính đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU  
Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu ("Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0309444635 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 12 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; lấy mẫu, cân hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; lấy mẫu, cân hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Chủ tịch
Ông Đặng Hoài Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 13/6/2014)
Ông Trần Duy An	Thành viên
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 13/6/2014)
Bà MẠCH Thị Tố Nga	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Trần Duy An	Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 12/9/2014)
Ông Nguyễn Xuân Hoàng	Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 20/03/2014)
Ông Nguyễn Trí Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hậu	Kế toán trưởng

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trung Hải	Thành viên
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 13/6/2014)
Ông Nguyễn Thái Hải	Thành viên (bỏ nhiệm từ ngày 13/6/2014)

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN NGỌC THẢO**

**Ông Nguyễn Ngọc Thảo**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Số: 183/2015/BCKT-HCM.00463

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 3 năm 2014.



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized letters.

**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

**LÊ NGỌC HẢI**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015

300  
C  
ÁCH  
KIẾP  
FC  
- TP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	1/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.300.989.253</b>	<b>10.771.300.288</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>21.037.875.285</b>	<b>9.977.206.296</b>
Tiền	111		4.537.875.285	1.477.206.296
Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	8.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>749.950.457</b>	<b>530.196.029</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	749.950.457	500.783.129
Trả trước cho người bán	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		-	29.412.900
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.862.553</b>	<b>27.231.116</b>
Hàng tồn kho	141	4.3	6.862.553	27.231.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>506.300.958</b>	<b>236.666.847</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	127.270.047	152.189.794
Thuế GTGT được khấu trừ	152		334.030.905	39.731.631
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	45.000.006	44.745.422



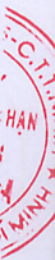
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	1/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>66.856.255.614</b>	<b>70.904.029.398</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.856.255.614</b>	<b>70.904.029.398</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	66.856.255.614	70.904.029.398
Nguyên giá	222		81.137.340.248	81.092.340.248
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.281.084.634)	(10.188.310.850)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>89.157.244.867</b>	<b>81.675.329.686</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	1/01/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.758.832.864</b>	<b>421.533.558</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.758.832.864</b>	<b>421.533.558</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.7	6.705.542.340	-
Người mua trả tiền trước	313		19.869.192	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		-	-
Phải trả công nhân viên	315		747.642.896	19.742.838
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.8	2.615.716	60.500.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quý khen thưởng và phúc lợi	323		283.162.720	341.290.720
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quý phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.398.412.003</b>	<b>81.253.796.128</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.9	<b>81.398.412.003</b>	<b>81.253.796.128</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.350.190.000	85.350.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quý đầu tư phát triển	417		1.596.328.117	1.596.328.117
Quý dự phòng tài chính	418		399.082.029	399.082.029
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(5.947.188.143)	(6.091.804.018)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>89.157.244.867</b>	<b>81.675.329.686</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

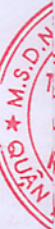
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	1/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**NGUYỄN VĂN HẬU**  
Kế toán trưởng



**TRẦN DUY AN**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015



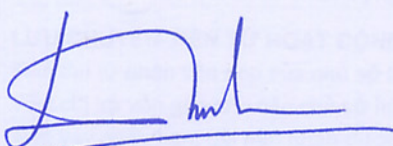
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.831.810.210	3.806.366.174
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	14.831.810.210	3.806.366.174
Giá vốn hàng bán	11	5.2	14.294.116.209	7.701.934.202
Lợi nhuận gộp	20		537.694.001	(3.895.568.028)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	659.036.796	209.740.810
Chi phí tài chính	22		435.483	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	1.051.679.439	259.644.506
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		144.615.875	(3.945.471.724)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		144.615.875	(3.945.471.724)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		144.615.875	(3.945.471.724)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		17	(462)



NGUYỄN VĂN HẬU  
Kế toán trưởng



TRẦN DUY AN  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015

0300  
CỔ  
RÁCH N  
KIỂM  
FC VI  
TP.

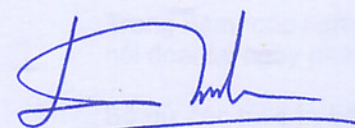
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	144.615.875	(3.945.471.724)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.092.773.784	4.092.773.784
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.485.195)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(653.727.217)	(209.740.810)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.580.177.247</b>	<b>(62.438.750)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(510.820.099)	8.273.588.860
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	20.368.563	(27.231.116)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	7.395.424.314	(1.045.170.275)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	24.919.747	(152.189.794)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	26.428.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(58.128.000)	(189.658.909)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.451.941.772</b>	<b>6.823.328.516</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.000.000)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	653.727.217	209.740.810
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>608.727.217</b>	<b>209.740.810</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>11.060.668.989</b>	<b>7.033.069.326</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>9.977.206.296</b>	<b>2.944.136.970</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>21.037.875.285</b>	<b>9.977.206.296</b>



NGUYỄN VĂN HẬU  
Kế toán trưởng



TRẦN DUY AN  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu ("Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 12 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; lấy mẫu, cân hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan; môi giới thuê tàu biển.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 23 người. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9 người)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ USD vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua của ngân hàng Vietcombank công bố tại ngày kết thúc năm tài chính (21.380 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

- Máy móc thiết bị	05 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm

### 3.5 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.6 Vốn chủ sở hữu

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

#### Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 3.7 Doanh thu

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### **3.8 Thuế**

#### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Thuế suất 0% và 10% được áp dụng cho các dịch vụ do Công ty cung cấp.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*

Áp dụng theo thuế suất hiện hành.

#### *Chi phí thuế TNDN*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

*Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.*

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.9 Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 3.10 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong năm tài chính này, công ty và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Phú Hải	Việt Nam	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Dịch vụ Bốc xếp Bình Mỹ	Việt Nam	Công ty góp vốn

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	48.231.041	17.604.415
Tiền gửi ngân hàng - VND	20.989.644.244	9.959.601.881
	<u>21.037.875.285</u>	<u>9.977.206.296</u>

### 4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 USD	01/01/2014 VND
Bên liên quan	-	-
Bên thứ ba		
- VND	498.616.157	500.783.129
- USD	11.755,58	-
	<u>11.755,58</u>	<u>500.783.129</u>

### 4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.862.553	27.231.116
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<u>6.862.553</u>	<u>27.231.116</u>

300  
CÔ  
ÁCH N  
KIÊN  
FC V  
- TP

**4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	127.270.047	152.189.794
	<b>127.270.047</b>	<b>152.189.794</b>

**4.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	45.000.006	44.745.422
	<b>45.000.006</b>	<b>44.745.422</b>

**4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2014	75.176.027.313	5.916.312.935	81.092.340.248
Mua trong năm	45.000.000	-	45.000.000
Vào ngày 31/12/2014	<b>75.221.027.313</b>	5.916.312.935	<b>81.137.340.248</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2014	6.387.156.610	3.801.154.240	10.188.310.850
Khấu hao trong năm	3.758.801.359	333.972.425	4.092.773.784
Vào ngày 31/12/2014	<b>10.145.957.969</b>	<b>4.135.126.665</b>	<b>14.281.084.634</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2014	68.788.870.703	2.115.158.695	70.904.029.398
Vào ngày 31/12/2014	<b>65.075.069.344</b>	<b>1.781.186.270</b>	<b>66.856.255.614</b>

**4.7 Phải trả người bán**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả bên liên quan	6.705.542.340	-
Phải trả bên thứ ba	-	-
	<b>6.705.542.340</b>	<b>-</b>

**4.8 Phải trả khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền đặt cọc	-	60.000.000
Bảo hiểm xã hội	2.115.716	-
Phải trả khác	500.000	500.000
- Bên liên quan	-	-
	<b>2.615.716</b>	<b>60.500.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG PHÚ HỮU  
 Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4.9 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**4.9.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>85.350.190.000</b>	<b>1.596.328.117</b>	<b>399.082.029</b>	<b>(2.024.117.948)</b>	<b>85.321.482.198</b>
Lãi trong năm 2013	-	-	-	(3.945.471.724)	(3.945.471.724)
Cổ tức	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(122.214.346)	(122.214.346)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>85.350.190.000</b>	<b>1.596.328.117</b>	<b>399.082.029</b>	<b>(6.091.804.018)</b>	<b>81.253.796.128</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	144.615.875	144.615.875
Cổ tức	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>85.350.190.000</b>	<b>1.596.328.117</b>	<b>399.082.029</b>	<b>(5.947.188.143)</b>	<b>81.398.412.003</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn thực góp	
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Cty TNHH MTV Căng Bến Nghé	72.692.000.000	85,13	72.692.000.000	85,13
Cty CP Hàng hải Phú Hải	2.138.000.000	2,50	2.138.000.000	2,50
Cty TNHH DV Bốc Xếp Bình Mỹ	2.138.000.000	2,50	2.138.000.000	2,50
Các cổ đông khác	8.382.190.000	9,87	8.382.190.000	9,87
	<b>85.350.190.000</b>	<b>100</b>	<b>85.350.190.000</b>	<b>100</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 85.350.190.000 VND.



**4.9.1 Cổ phiếu phổ thông**

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.535.019	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.535.019	8.535.019
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.535.019	8.535.019
+ Cổ phiếu phổ thông	8.535.019	8.535.019
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.9.2 Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính**

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị Công ty chưa có công bố chính thức về cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bốc xếp	7.700.347.785	2.813.483.159
Doanh thu container	578.409.000	-
Doanh thu cảng phí	2.234.432.112	743.480.883
Doanh thu lưu kho bãi	2.933.086.263	22.727.273
Doanh thu giao nhận	175.304.100	-
Doanh thu dịch vụ tàu	848.249.389	204.865.771
Doanh thu vận chuyển	126.834.240	18.181.818
Doanh thu khác	235.147.321	3.627.270
	<b>14.831.810.210</b>	<b>3.806.366.174</b>

**5.2 Giá vốn**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.496.930	204.757.543
Chi phí nhân công	1.241.722.166	632.080.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.092.773.784	4.092.773.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.797.168.784	2.772.322.749
Chi phí khác bằng tiền	67.954.545	-
	<b>14.294.116.209</b>	<b>7.701.934.202</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	653.727.217	209.740.810
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.824.384	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.485.195	-
	<b>659.036.796</b>	<b>209.740.810</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	499.952.522	-
Chi phí vật liệu, bao bì	19.398.200	4.903.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.050.000	20.030.000
Thuế, phí và lệ phí	4.512.085	6.388.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.266.632	26.176.750
Chi phí bằng tiền khác	19.500.000	202.145.898
	<b>1.051.679.439</b>	<b>259.644.506</b>

**5.5 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	1.741.674.688	632.080.126
Chi phí vật liệu, bao bì	122.945.130	229.691.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.092.773.784	4.092.773.784
Thuế, phí và lệ phí	4.512.085	6.388.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.296.435.416	2.798.499.499
Chi phí bằng tiền khác	87.454.545	202.145.898
	<b>15.345.795.648</b>	<b>7.961.578.708</b>

**5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	144.615.875	(3.945.471.724)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
- Các khoản điều chỉnh tăng_thù lao Hội đồng quản trị	222.257.522	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>366.873.397</b>	<b>(3.945.471.724)</b>
Chuyển lỗ năm trước	(366.873.397)	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	144.615.875	(3.945.471.724)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	8.535.019	8.535.019
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>17</b>	<b>(462)</b>

**6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các thành viên của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay nội bộ ngoại trừ các hợp đồng cho vay không có lãi.

Do đây là các khoản vay nội bộ nên lãi suất được cố định, Công ty không cần quản lý rủi ro lãi suất hay thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay nội bộ ở mức Hội đồng quản trị cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

3004  
CÔNG  
CHÍNH  
KIỂM  
VIỆT  
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU  
 Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-
Phải trả khác bên liên quan	500.000	-	500.000
Phải trả khác	60.000.000	-	60.000.000
	<b>65.000.000</b>	<b>-</b>	<b>65.000.000</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán bên liên quan	6.705.542.340	-	6.705.542.340
Phải trả khác bên liên quan	500.000	-	500.000
Phải trả khác	-	-	-
	<b>6.706.042.340</b>	<b>-</b>	<b>6.706.042.340</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.977.206.296	-	9.977.206.296
Phải thu khách hàng	500.783.129	-	500.783.129
Phải thu khác	29.412.900	-	29.412.900
	<b>10.507.402.325</b>	<b>-</b>	<b>10.507.402.325</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.037.875.285	-	21.037.875.285
Phải thu khách hàng	749.947.465	-	749.947.465
Phải thu khác	-	-	-
	<b>21.787.822.750</b>	<b>-</b>	<b>21.787.822.750</b>

#### Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	749.947.465	500.783.129	749.947.465	500.783.129
<i>Các khoản phải thu khác</i>	-	29.412.900	-	29.412.900
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	21.037.875.285	9.977.206.296	21.037.875.285	9.977.206.296
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.787.822.750</b>	<b>10.507.402.325</b>	<b>21.787.822.750</b>	<b>10.507.402.325</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.705.542.340	-	6.705.542.340	-
<i>Phải trả khác bên liên quan</i>	500.000	500.000	500.000	500.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	-	60.000.000	-	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.706.042.340</b>	<b>60.500.000</b>	<b>6.706.042.340</b>	<b>60.500.000</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Cty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Chi phí cung cấp dịch vụ Phân chia chi phí hợp tác kinh doanh	338.845.629 6.366.696.711	1.686.158.567 -

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Phải trả Phải trả khác	6.705.542.340 500.000	- 500.000

**8.2 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm là số liệu đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 011404/AISC-DN3 do Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU  
 Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tuy nhiên, một vài số liệu được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên kết quả kiểm số dư đầu kỳ của chúng tôi.

Bảng cân đối kế toán

	Mã số	Báo cáo kiểm toán 31/12/2013 VND	Trình bày lại số dư đầu năm 01/01/2014 VND	Chênh lệch VND
Tiền	111	9.977.206.296	1.477.206.296	8.500.000.000
Các khoản tương đương tiền	112	-	8.500.000.000	(8.500.000.000)

**NGUYỄN VĂN HẬU**  
 Kế toán trưởng



**TRẦN DUY AN**  
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2015

PHÚ HỮU